**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ B**
TỈNH BẾN TRE

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2017/DS-ST
Ngày: 15/9/2017
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền
2. Ông Ngô Trung Giàu

***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Ngày 15/9/2017 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hụi". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2017/QĐST- DS ngày 09/8/2017. Giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn*: Trần Thị Gia P, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Nguyễn Du, phường 7, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thanh L, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2017)

*2. Bị đơn*: Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Gia P ủy quyền chị Võ Thị Thanh L trình bày*:

Vào khoảng thời gian năm 2015 chị P có tham gia hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi. Cụ thể, chị P tham gia 01 phần, hụi 2.000.000 đồng khui vào ngày 30/11/2015 (âm lịch), dây hụi này có 30 phần, mỗi tháng khui 02 lần, chị đóng được 29 kỳ, số tiền chị P đã đóng hụi cho bà H là 44.200.000 đồng. Chị P hốt hụi cuối cùng nhưng bà H không giao hụi, đến khoảng tháng 12/2016 bà H tuyên bố ngưng hụi, chị P nhiều lần yêu cầu bà H hoàn lại cho chị số tiền đã đóng nhưng bà H không thực hiện. Đến ngày 25/12/2016 bà H làm "giấy thiếu hụi" với nội dung xác nhận có nhận của chị P số tiền đóng hụi là 44.200.000 đồng và hẹn đến ngày 15/5/2017 sẽ trả một lần cho chị P nhưng sau đó bà H đã không thực hiện như thỏa thuận.

Chị Trần Thị Gia P yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 44.200.000 đồng, không yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H phải trả lãi số tiền trên từ thời điểm chị khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Việc chị và bà Nguyễn Mỹ H giao dịch hụi với nhau ông Nguyễn Ngọc C là chồng của bà Nguyễn Mỹ H thì phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả cho chị P số tiền trên.

*Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]** Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, vào khoảng thời gian từ năm 2015 chị Trần Thị Gia P và bà Nguyễn Mỹ H có giao kết hụi với nhau và đến khoảng cuối tháng 12/2016 thì bà H ngưng hụi. Ngày 25/12/2016, bà Nguyễn Mỹ H có làm tờ xác nhận còn nợ tiền hụi chị P số tiền là 44.200.000 đồng. Chị P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H và chồng là ông Nguyễn Ngọc C phải hoàn trả số tiền hụi mà chị đã đóng cho bà Nguyễn Mỹ H, yêu cầu khởi kiện của chị P là tranh chấp hụi được xem xét theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015..

**[2]** Về tố tụng: Bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C.

**[3]** Nội dung tranh chấp: Theo lời khai của chị L tại phiên tòa, chị Trần Thị Gia P và bà Nguyễn Mỹ H có giao dịch 01 dây hụi, tổng số tiền bà Nguyễn Mỹ H nợ chị P là 44.200.000 đồng theo tờ "giấy thiếu hụi" ngày 25/12/2016.

**[4]** Xét yêu cầu của chị Trần Thị Gia P về việc yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H trả số tiền hụi còn nợ là 44.200.000 đồng, chứng cứ chị P yêu cầu bà H trả số tiền trên là 01 tờ "giấy thiếu hụi" ngày 25/12/2016.

Xét về hình thức, tờ giấy viết tay do chị P cung cấp và theo lời khai của chị L thì tờ giấy này do bà H viết, Hội đồng xét thấy về hình thức giao dịch của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Về nội dung, theo lời khai của chị L sau nhiều lần chị P yêu cầu bà H trả số tiền trên cho chị nhưng bà H không thực hiện thì đến ngày 25/12/2016 bà H với chị P đã thỏa thuận bà H xác nhận có nhận số tiền hụi của chị đã đóng là 44.200.000 đồng, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa chị Trần Thị Gia P và bà Nguyễn Mỹ H là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do chị Trần Thị Gia P cung cấp. Nhưng bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Gia P cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai, và tờ "giấy thiếu hụi" mà chị P cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của chị P

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Mỹ H đã xác nhận các khoản nợ hụi và hẹn đến ngày 15/5/2017 sẽ trả thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 215 và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006.

Ghi nhận Trần Thị Gia P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hụi bà Nguyễn Mỹ H còn nợ.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị L có yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C phải trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Mỹ H trong việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền hụi đã đóng. Ông C và bà H là vợ chồng, trên thực tế việc giao dịch hụi chỉ có bà H và chị P nhưng theo lời khai của nguyên đơn thì có nhiều lần ông C

chở bà H đến nhà chị P thu tiền hụi và các lần khui hụi là rất đông người, chị P đã giao dịch với bà H nhiều dây hụi chứ không phải chỉ có phần hụi lần này, ông C hiện vẫn đang chung sống cùng gia đình với bà H nên buộc ông C phải có trách nhiệm cùng bà H trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận, ông C là chồng của bà H nên việc buộc ông C phải có trách nhiệm liên đới với bà H trả số tiền trên cho chị P là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của nguyên đơn. Bà H, ông C phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

**[5]** Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị P được chấp nhận nên chị không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.210.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 688 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 122,124, 479 và 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Gia P.

Buộc bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ hoàn trả cho Trần Thị Gia P số tiền hụi là 44.200.000 đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải nộp số tiền 2.210.000đồng (hai triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.105.000 đồng (một triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng) cho chị Trần Thị Gia P theo biên lai thu số 0010919 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- VKSND TP B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thanh Lan**